

CỔ VẬT VIỆT NAM**BÀN VỀ NIÊN ĐẠI CÁC MINH VĂN TRÊN ĐỒ GỐM VIỆT NAM**

(Nhân đọc bài “Đôi điều về minh văn trên gốm sứ”
trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 70-72)

Lê Thành Lân, Trần Ngọc Dũng*

Bài *Đôi điều về minh văn trên gốm sứ* [1] là một chuyên luận dài (hơn 40 trang), tỹ mĩ và khá phong phú, đề cập đến nhiều nội dung về công việc nghiên cứu minh văn trên gốm sứ từ những nguyên tắc chung đến những vận dụng cụ thể. Đọc bài này, không thể không liên hệ tới công trình *Cẩm nang đồ gốm Việt Nam có minh văn* [2] của TS Nguyễn Đình Chiến cách đây 10 năm với một nội dung rộng hơn. Tất nhiên, các tác giả của chuyên luận này đã khoan nhặt, chỉ chú ý đến minh văn, nhưng như các tác giả đã viết, đó vẫn là một lĩnh vực đa ngành, liên ngành. Chúng tôi cũng nghĩ như vậy, nên tuy không am tường nhiều về gốm sứ nói riêng và cổ vật nói chung, chúng tôi cũng muốn bàn thêm dưới góc nhìn của *niên đại học*.

Dưới góc nhìn này chúng ta có thể chú ý đến ba khía cạnh: niên hiệu, niên thứ và ngày tháng.

1. Về niên hiệu, chúng tôi xin bàn đến niên hiệu thứ nhất của vua Lê Nhân Tông trên lọ gốm Topkapi, Istanbul

Theo sở trường của mình, chúng tôi xin đóng góp một chút vào “cuộc tranh luận dai dẳng... quanh 13 chữ Nho trên lọ sứ (sic) Topkapi”. Về lọ gốm này, các tác giả cho biết đã có đến 28 tài liệu đề cập đến (số 72, tr 73), nếu kể chuyên khảo trên là thứ 29, thì bài của chúng tôi có lẽ là bài viết thứ 30 chẳng? Chúng tôi tin là các tác giả sẽ còn trở lại bàn về bảo vật này, nhất là một khi các ông nhận được 7 bức ảnh đã đặt chụp từ ngày 5/7/2007 (số 72, tr 77) và rõ ràng chúng ta vẫn đang còn chờ đợi một lời giải thuyết phục về câu hỏi “Bùi thị hí bút” hay “Bùi Thị Hí bút” - tác giả là một người họ Bùi hay là bà Bùi Thị Hí? Trong bảng thống kê của TS Nguyễn Đình Chiến, thì hiện vật đầu tiên là lọ gốm Topkapi có niên đại 1450, phải hơn một thế kỷ sau, chúng ta mới bắt gặp một cặp chân đèn 2 phần gốm hoa lam thời Mạc có niên đại 1576 [2] (tr 41). Hơn một thế kỷ mà chỉ còn một cổ vật duy nhất mà lại được lưu giữ ở nước ngoài. Cái khoảng cách 126 năm thiếu vắng hiện vật đó khiến chúng ta vô cùng nuối tiếc. Biết bao sản phẩm của lò gốm này và các lò gốm khác trong khoảng thời gian dài đó đã bị hủy hoại theo năm tháng do thời tiết khí hậu khắc nghiệt và bởi những cuộc đấu tranh sinh tồn cam go trên mảnh đất này.

* Viện Công nghệ thông tin, Hà Nội.

Không bàn về hoa văn tuyệt đẹp, chỉ 13 chữ trên minh văn của lọ gốm này đã nêu được nhiều tiêu chí quan trọng: niên đại, địa danh, nhân danh (người viết minh văn - người thợ làm gốm). Về cả ba tiêu chí này đều từng có lời bàn và dường như còn chưa thể chấm dứt trong ngày một ngày hai. Về niên hiệu nằm trong 13 chữ này, các tác giả viết:

“Tóm lại, thực rõ ràng: trên lọ là niên hiệu 大和 - Đại Hòa, trong sử sách là niên hiệu 太和 - Thái Hòa. Chúng tôi nghĩ, phải chấp nhận và tôn trọng di sản lịch sử này; không nên cưỡng bức đọc 大 là thái và bắt các lọ *nhái* theo sử sách và viết là 太和 như thấy ở phòng trưng bày của Xí nghiệp Gốm Chu Đậu hiện nay” (số 72, tr 79).

Vậy là, các tác giả đã thừa nhận niên hiệu đó đúng ra phải là Thái Hòa, và ở dưới có lần các tác giả còn nhắc đến: “năm Thái Hòa thứ 6 [1448]” (số 72, tr 81).

Vào năm 1999, TS Nguyễn Đình Chiến đã ghi niên hiệu này là Đại Hòa [2] (trang vii, 13); đặc biệt, trong *Lời giới thiệu*, GS Hà Văn Tấn còn nhấn mạnh: “Ta biết chắc niên hiệu của Lê Nhân Tông là Đại Hòa chứ không phải Thái Hòa” [2] (trang x). GS Hà Văn Tấn và TS Nguyễn Đình Chiến không bàn nhiều về điều này, nhưng ý kiến thì đã rõ ràng. Những ý kiến này gián tiếp ủng hộ ý kiến của chúng tôi cùng thời điểm đó trong cuộc tranh luận nêu dưới đây.

Có một thực tế là các tác giả bài báo không biết đến cuộc tranh luận đã xảy ra vào cuối thế kỷ trước về niên hiệu này. Vào năm 1996, nhà sử học Nhật Bản TS Yao Tacao đã khởi xướng vấn đề qua bài *Khảo sát về niên hiệu vua Lê Nhân Tông: Đại Hòa chứ không phải Thái Hòa* [3]. Vào năm 1997, ông Ngô Đăng Lợi có tham gia thảo luận qua bài *Bàn thêm về niên hiệu của Lê Nhân Tông: Đại Hòa hay Thái Hòa* [4]. Quan trọng nhất là bài phản bác của PGS TS Nguyễn Minh Tường với tiêu đề *Niên hiệu của vua Lê Nhân Tông: Thái Hòa không phải Đại Hòa* [5] vào năm 1999. Cuối cùng, cũng trong năm đó, chúng tôi đã bàn kỹ vấn đề này trong các bài từ [6] đến [8]. Kết luận của chúng tôi ngày đó coi như đã được chấp nhận; có điều là vì thiên về việc tranh luận nên bài viết tuân theo một logic khác khiến cho nó còn khó hiểu. Để khắc phục nhược điểm đó, vừa qua chúng tôi đã trở lại vấn đề này qua bài “Về cách viết và đọc niên hiệu thứ nhất của Lê Nhân Tông” trên tạp chí *Huế xưa và nay* số 91, 2009 [9]. Ở đây, chúng tôi xin nhấn mạnh mấy ý.

Dù Đại Hòa hay Thái Hòa thì cũng cùng một nghĩa; đó là ý nghĩa triết học của 2 chữ đại hòa vốn có trong các cuốn *Kinh dịch cổ*: “*Kiên đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bảo hợp đại hòa, nãi lợi trình*” (Đạo Kiền biến hóa, vật nào cũng giữ được đúng tính mệnh của mình, giữ được khí đại hòa, âm dương hội hợp, nên được hay tốt và chính bền - bản dịch của Phan Bội Châu). Đó là ý nguyện của nhà vua, người đặt ra niên hiệu đó. Nhưng là danh từ riêng, đương thời nó được viết như thế nào, nhà vua đã định như thế nào, thì nó phải đúng như vậy. Có điều là, về mặt lịch sử ngôn ngữ, chữ

đại có từ trước và *đại hòa* có nghĩa như trên. Về sau mới xuất hiện thêm chữ *thái* và từ *thái hòa* chỉ khu biệt chỉ một nghĩa của *đại hòa* là “RẤT yên bình”, nhưng không vì thế mà từ *đại hòa* mất đi ý nghĩa đó.

Tham khảo các niên hiệu của Trung Quốc, chúng tôi thấy, vào năm 1955, nhà niên đại học Trung Quốc Vinh Mạnh Nguyên đã khảo cứu kỹ và cho in cuốn *Trung Quốc lịch sử kỷ nguyên* [10]. Qua đó ta biết, ở Trung Quốc:

+ Niên hiệu của Ngô Dương Phổ (929-935) là Đại Hòa.

+ Niên hiệu của Đường Văn Tông (827-835) có thể là Đại Hòa, có thể là Thái Hòa. Song, các tác giả *Từ hải* (các năm 1979, 1989, 1999) và Vinh Mạnh Nguyên thì nghiêng về coi đây là Đại Hòa.

+ Có 5 niên hiệu là Thái Hòa của: Ngụy Minh Đế (227-233), Hậu Triệu Thạch Lặc (328-330), Thành (Hán) Lý Thế (344-346), Tấn Phế Đế (366-371), Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế (477-499).

Chú ý là trong lịch sử ngôn ngữ chữ *thái* xuất hiện muộn hơn chữ *đại*, nhưng các niên hiệu Đại Hòa xuất hiện muộn hơn Thái Hòa rất nhiều. Vậy là các vị vua đặt niên hiệu này muốn dùng một từ cổ, một từ ban sơ, nguyên ủy.

Ở Việt Nam, chúng tôi đã hệ thống lại một loạt dẫn chứng của những người đi trước: Từ bản chữ Hán *Đại Việt sử ký toàn thư* đến các văn bia, đồng tiền, pho tượng Phật, minh văn trên đồ gốm và trong một văn bản viết tay đương thời..., tất cả đều ghi 大和 - Đại Hòa [9].

Có một thời, khi khảo cổ học chưa phát triển ở cả Trung Quốc và Việt Nam, người ta chỉ chú ý đến ngữ nghĩa nên đã nhất loạt chép nhầm các niên hiệu Đại Hòa thành Thái Hòa. Điều này ta còn thấy trong *Từ nguyên* và *Từ hải* in năm 1947 và trong *Việt sử thông giám cương mục*. Ở Trung Quốc ta thấy có thể Vinh Mạnh Nguyên là người đầu tiên khôi phục lại tên của niên hiệu Đại Hòa vào năm 1955; có thể còn có ai khác sớm hơn, nhưng chắc là không trước năm 1947 như ở các từ điển vừa nêu trên. Ở Việt Nam thì người đầu tiên là Trần Trọng Kim trong *Việt Nam sử lược* [11] đã khôi phục tên gọi niên hiệu này vào năm 1921.

Như vậy, hai chữ Đại Hòa trong minh văn trên lọ gốm hoa lam lưu giữ tại Topkapi là đúng và trùng hợp với các loại dữ liệu có được từ cổ vật đương đại (tiền đồng cổ, các văn bia, minh văn trên đồ gốm khác, văn bản gốc viết tay đương đại...) và bản chữ Hán *Đại Việt sử ký toàn thư*.

2. Về niên thứ, chúng tôi muốn nhắc tới các niên hiệu thời Mạc Mậu Hợp

Chúng tôi nói ngay rằng, các tác giả bài báo đã dựa theo Nguyễn Đình Chiến, nên không sai, bởi ngày ấy TS Chiến đã tham khảo các kết quả nghiên cứu của chúng tôi, như ông đã dẫn trong sách bài viết của chúng tôi *Dùng văn bia để xác định lại niên hiệu của nhà Mạc* [12] vào năm 1996. Xin xem [2] (trang vii, 108, 111).

Kết quả mà chúng tôi thu được ngày đó nêu ở bảng 1.

Bảng 1. Niên thứ của tám niên hiệu dưới thời Mạc được xác định lại.

TT	Niên hiệu	Thời dụng		Ngày cải nguyên (Mới xác định lại)
		Ở niên biểu cũ	Ở niên biểu mới	
1	Cảnh Lịch	1548-1553	1548-1554	1/1 Mậu Thân
2	Quang Bảo	1554-1561	1555-1564	1/1 Ất Mão
3	Thuần Phúc	1562-1565	1565-1568	1/1 Ất Sửu
4	Sùng Khang	1566-1577	1568-1578	Trong năm Mậu Thìn - 1568
5	Diên Thành	1578-1585	1578-1585	Tháng 7 Mậu Dần
6	Đoan Thái	1586-1587	1585-1588	28/6 Ất Dậu
7	Hưng Trị	1588-1590	1588-1591	Trong năm Mậu Tý - 1588
8	Hồng Ninh	1591-1592	1591-1592	Trong năm Tân Mão - 1591

Niên biểu cũ là cuốn *Niên biểu Việt Nam* [13] được soạn chủ yếu dựa vào *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Một niên biểu chi tiết cho Việt Nam và các chính triều của Trung Quốc đã được chúng tôi khảo cứu kỹ liệt kê ra ở cuốn *Lịch và niên biểu lịch sử hai mươi thế kỷ (0001-2010)* [14].

Xin nói thêm, TS Nguyễn Đình Chiến viết: “Kể từ chân đèn Sùng Khang, tiếp đến Diên Thành, Đoan Thái, Hưng Trị, Hồng Ninh, nghĩa là đủ các niên hiệu của vua Mạc Mậu Hợp” [2] (tr 13). Viết chữ “đủ” là chưa thật chuẩn xác; vì niên hiệu đầu tiên của Mạc Mậu Hợp là Thuần Phúc; tuy vậy, ta chưa phát hiện đồ gốm nào có minh văn thuộc niên hiệu này.

Vấn đề niên hiệu, niên thứ liên quan chặt chẽ với nhau. Chẳng hạn theo các niên biểu cũ Đoan Thái chỉ có 2 năm; vậy các đồ gốm số 34&35, 36&37, 38&39, 42 trong bảng của TS Chiến ghi năm Đoan Thái 3 hoặc Đoan Thái 4 nếu theo các niên biểu cũ sẽ được hiểu là “sai niên hiệu”, là tác giả minh văn không biết đã cải nguyên rồi. Nhưng sau phát hiện của chúng tôi thì niên hiệu và niên thứ trong minh văn trên các đồ gốm đó đúng và quả là có “niên thứ” 3 và 4 của niên hiệu Đoan Thái. Vào năm 1986, TS Chiến đã ngờ rằng minh văn trên các đồ gốm đó chép sai, đến khi viết sách ông mới thấy sự hợp lý của chúng [2] (tr 108).

3. Về ngày tháng, chúng tôi xin đổi từ lịch Âm sang lịch Dương

Nói chung, ngày tháng năm cần đổi sang lịch Dương để chúng ta có thể hình dung rõ niên đại của chúng. Đối với các nhà sưu tập và nghiên cứu không thuộc giới sử học thường khó biết ngay khoảng thời gian, nếu chỉ ghi niên hiệu hoặc tuế thứ (Can Chi). Trong bảng thống kê các đồ gốm, TS Chiến đã đổi các năm Âm theo niên hiệu hay theo Can Chi sang năm Dương. Chúng tôi nghĩ, tốt hơn hết là đổi cả ngày tháng nếu có thể được. Vì thế, chúng tôi lập 2 bảng: Bảng 2 dành cho các đồ gốm thời Mạc. Bảng 3 dành cho các đồ gốm thời Lê Trung hưng.

Theo bảng thống kê trong sách của TS Chiến, chúng tôi thấy, ở thời Mạc chỉ có 14 đồ gốm có ghi ngày tháng theo lịch Âm như ở bảng 2. Ở đó chúng tôi dùng thứ tự của TS Chiến [2] (tr 40, 41).

Bảng 2. Đối ngày tháng trên gồm thời Mạc sang lịch Dương [2] (tr 40, 41)

STT HV	Trên hiện vật (Nhà Mạc)	Đổi ra	Ứng với niên hiệu nhà Lê	Đổi sang lịch Dương	
				Từ lịch VN	Từ lịch TQ
2	3 Mười, Sùng Khang 9	Bính Tý	Gia Thái 4	24/10/1576	
8	30 Ba, Diên Thành 1	Mậu Dần	Quang Hưng 1	6/5/1578	
13&14	24 Sáu, Diên Thành 3	Canh Thìn	Quang Hưng 3	4/8/1580	
19	21 Chín, Diên Thành 3	Canh Thìn	Quang Hưng 3	28/10/1580	
20&21	25 Một, Diên Thành 3	Canh Thìn	Quang Hưng 3	31/12/1580	
22	30 Ba, Diên Thành 4	Tân Tỵ	Quang Hưng 4	2/5/1581	
29	19 Một, Diên Thành 5	Nhâm Ngọ	Quang Hưng 5	13/12/1582	
33	3 Năm, Đoan Thái 2	Bính Tuất	Quang Hưng 9	19/6/1586	
34&35	20 Tám, Đoan Thái 3	Đinh Hợi	Quang Hưng 10	22/9/1587	
40&41	1 Tư, Hưng Trị 2	Kỷ Sửu	Quang Hưng 12	14/5/1589	
46	15 Tư, Hưng Trị 2	Kỷ Sửu	Quang Hưng 12	28/5/1589	
50	20 Tám, Hưng Trị 3	Canh Dần	Quang Hưng 13	18/9/1590	
51	20 Tám, Hưng Trị 3	Canh Dần	Quang Hưng 13	18/9/1590	
61	5 Ba năm Mậu Tý	[Hưng Trị 1]	Quang Hưng 1	31/3/1588	[30/3/1588]
62	25 Một, Sùng Khang 3	Canh Ngọ	Chính Trị 13	22/12/1570	

Trong quá khứ lịch Việt Nam thường khác lịch Trung Quốc. Chúng tôi đã phát hiện lịch Việt Nam từ năm 1544 trở lại đây. Chúng tôi công bố lịch Việt Nam song song với lịch Trung Quốc một cách văn tắt trong cuốn [14], cũng như công bố chi tiết trong cuốn *Đối chiếu lịch Dương với lịch Âm-Dương của Việt Nam và Trung Quốc 2030 năm (0001-2030)* [15].

Để tiện cho việc sử dụng của độc giả, chúng tôi ghi thêm Can Chi của năm, ghi chú thêm niên hiệu của nhà Lê Trung hưng tương ứng và đổi sang lịch Dương. Riêng chân đèn số 61 vốn chỉ ghi Can Chi, chúng tôi đổi ra niên hiệu của nhà Mạc và đặt trong ngoặc vuông. Đây là trường hợp duy nhất ngày Âm rơi vào lúc lịch Việt Nam khác lịch Trung Quốc, chúng tôi giả thiết như nhà Mạc dùng lịch Trung Quốc mà đổi sang lịch Dương ghi ở cột cuối cùng và đặt trong ngoặc vuông. Lịch Việt Nam vốn là của nhà Lê, hiện chúng ta không biết rằng nhà Mạc theo lịch nhà Lê hay lịch Trung Quốc vì sử liệu về nhà Mạc rất ít, chủ yếu là theo *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn.

Bảng 3. Đối ngày tháng trên gồm thời Lê sang lịch Dương [2] (tr 43)

Số TT HV	Trên hiện vật	Đổi sang		Lịch Dương	Ghi chú
		Can Chi	Niên hiệu		
70	13 Ba, Mậu Ngọ	Mậu Ngọ	Hoàng Định 19	8/4/1618	Chế tạo
	2 Tư Hoàng Định			26/4/1618	Cung tiến
75	14 Chạp, Vĩnh Tộ 7	Ất Sửu		11/1/1626	Năm Dương sau
76	3 Chạp, Giáp Tuất		Dương Hòa 1	21/1/1635	Năm Dương sau
80	25 Hai, Đinh Sửu		Dương Hòa 3	21/3/1637	
81	28 Hai, Đinh Sửu		Dương Hòa 3	24/3/1637	
83&84	16 Một, Giáp Ngọ		Phúc Thái 1	14/12/1644	
88	5 Mười, Tân Hợi		Cảnh Trị 9	6/11/1671	
89	15 Tám, Cảnh Trị 9	Tân Hợi		17/9/1671	
91	8 Sáu, Vĩnh Trị 2	Đinh Tỵ		7/7/1677	
92	8 Sáu, Vĩnh Trị 2	Đinh Tỵ		7/7/1677	

Thực ra những trường hợp như số 61 bằng 2 hay các số 76, 80, 81, 83&84, 88 trên đồ gốm chỉ ghi Can Chi là chưa đủ rõ, bởi trước đó hoặc sau đó đúng 60 năm đều có cùng Can Chi như vậy. Chúng tôi tin rằng TS Chiến đã có bằng chứng gián tiếp để xác định rằng đúng là năm đó, chẳng hạn theo niên đại trùng tu di tích có chứa hiện vật... Tất nhiên điều này nếu có điều kiện cũng nên được bàn kỹ. Riêng số 70 có 2 niên đại: khi cung tiến ghi theo niên hiệu Hoàng Định; khi chế tạo ghi theo Can Chi cùng năm đó nên không còn gì phải phân vân.

Theo bảng của TS Nguyễn Đình Chiến [2] (tr 43), chúng tôi thấy có 10 đồ gốm thời Lê Trung hưng có ngày tháng, chúng tôi lập bảng 3 để đổi sang lịch Dương. Cả 10 trường hợp đều rơi vào lúc lịch Việt Nam và lịch Trung Quốc giống nhau. Thực ra thế kỷ XVI, XVII này, lịch Việt Nam khác hẳn lịch Trung Quốc, nhưng ngay những năm hai lịch khác nhau thì cũng chỉ rơi vào một hoặc hai tháng, nên các ngày tháng trên hiện vật ít khi rơi vào đúng thời điểm hai lịch khác nhau. Lúc này nhà Mạc chỉ cát cứ trên Cao Bằng, một vùng nhỏ ở biên viễn, nên chúng tôi không đối chiếu với niên hiệu của họ nữa.

Ngày tháng trên hiện vật 75, 76 ở vào cuối năm lịch Âm, nên đổi sang lịch Dương thì đã sang đầu năm sau.

4. Đôi điều trao đổi thêm về lọ gốm lưu ở Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ

Chúng tôi không có chuyên sâu về gốm sứ, ngay cả chữ nghĩa trên minh văn cũng không phải là sở trường của mình, nên những điều chúng tôi viết sau đây chỉ là một nỗi băn khoăn xin được giải bày.

Tiến sĩ Nguyễn Đình Chiến gọi cổ vật này là LỌ GỐM hoa lam thời Lê, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Topkapi Saray, Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ và ông dẫn nó trong cuốn sách *Cẩm nang đồ gốm Việt Nam có minh văn thế kỷ XV-XIX* [2] (tr 54). Trong 5 thế kỷ thì lọ gốm này là sớm nhất, mà cách đồ gốm thứ 2 những 126 năm. Vậy nó rất quý và rất xa ngày nay.

Các ông Nguyễn Quảng Minh và Nguyễn Mộng Hưng thì viết là LỌ SỨ Topkapi [1] (số 72, tr 73) và nằm trong bài viết về minh văn trên gốm sứ. Nội dung bài đề cập đến cả gốm lẫn sứ, nhưng cổ vật này là đồ sứ, còn 2 cổ vật được bàn đến trước đó là đồ gốm (trang 71, 73).

Vấn đề là lọ Topkapi, Istanbul là đồ gốm hay đồ sứ? Gốm và sứ có khác nhau không?

Theo thiển ý thì, có thể là:

Đồ gốm nói chung là sản phẩm làm từ đất, có thể là đất thó, đất sét thường, đất sét trắng (đất sét cao cấp - cao lanh); được nung qua lửa.

Theo một nghĩa hẹp thì đồ gốm được làm từ đất thó, đất sét thường; được nung qua lửa.

Đồ sứ là đồ gốm “cao cấp” làm từ đất sét trắng (cao lanh) và nói chung được nung ở nhiệt độ cao hơn. Đồ sứ trong và cứng hơn đồ gốm [nghĩa hẹp].

Một người chơi đồ cổ nói với tôi rằng, khi gõ vào đồ gốm sứ, nghe tiếng kêu ông ấy có thể phân biệt được giữa gốm và sứ. Tiếng kêu của đồ sứ thanh hơn, trong hơn và cao hơn.

Như vậy đồ sứ là sản vật cao cấp trong đồ gốm nói chung. Trong đồ gốm có thể bao gồm cả đồ sứ; một đồ sứ thực thụ có thể gọi là đồ gốm được; nhưng đồ gốm “cấp thấp” không thể gọi là đồ sứ được.

(Ta có thể liên hệ với chữ “đại” và chữ “thái” đã bàn ở trên. Chữ “đại” vốn là lớn và rất lớn; chữ “thái” chỉ là rất lớn).

Cũng có thể hiểu, đồ gốm và đồ sứ là khác hẳn nhau, đồ gốm chỉ là sản phẩm “cấp thấp”.

Có một thực tế là, xa xưa ta chưa làm được đồ sứ. Vào thời Nguyễn, vua quan và triều đình có đặt làm một số đồ sứ tại Trung Quốc có minh văn gọi là đồ sứ ký kiểu. Chúng tôi vừa biết thêm một loại đồ sứ là “Những ông bình vôi sản xuất tại Anh” qua bài viết có tiêu đề trên của các tác giả Nguyễn Quảng Minh, Nguyễn Mộng Hùng và Margret J. Vlaar [16].

Với nhận thức như trên, chúng tôi cho rằng chiếc lọ Topkapi, Istanbul chỉ nên gọi là *lọ gốm* như TS Chiến đã gọi. Bởi vì vào giữa thế kỷ XV ta chưa sản xuất được đồ sứ. Sự thu hẹp phạm vi nghiên cứu chỉ là minh văn trên đồ gốm như TS Chiến là vừa phải và hợp lý. Ngay về địa vực, chúng tôi thiết nghĩ ta cũng chỉ nên khoanh lại trên địa bàn nước ta mà thôi, như khi tóm tắt phần 1, trước khi vào phần 2, các tác giả có viết: “Trong phần 1 của chuyên khảo này..., các tác giả đã phân loại minh văn trên gốm sứ (sic) Việt Nam theo nội dung và hình thức trình bày, trong khi sản xuất và sau khi sản xuất, phân tích về thư pháp và tả tự pháp của minh văn” [1] (số 72, tr 71).

Về địa danh, các tác giả đã xét thấy thời Minh đổi gọi châu Nam Sách, sang thời Lê gọi lại là phủ Nam Sách, nhưng minh văn trên lọ gốm Topkapi, Istanbul vẫn ghi là châu Nam Sách và đặt câu hỏi:

“Vì sao **hai mươi bốn năm** sau khi quân nhà Minh bị đánh đuổi về nước và vua Lê Thái Tổ đã chia lại nước thành các đạo, phủ, huyện, châu, phục hồi các đơn vị hành chính cũ mà người thợ thủ công ở Nam Sách vẫn dùng đơn vị hành chính của quân chiếm đóng nhà Minh?” [1] (số 72, tr 81). Nhưng các tác giả không đưa ra câu giải thích. Theo chúng tôi có thể có một cách giải thích là ***tên gọi các địa danh mang tính “bảo thủ” lớn***. Chẳng hạn như đơn vị hành chính “làng” đã bị bỏ từ rất lâu rồi, nhưng ngày nay có người vẫn dùng và các địa danh Nôm nay không còn dùng trong hành chính, nhưng trong văn học, trong dân gian vẫn thường được nhắc đến. Thí dụ như: a) Nhiều người vẫn viết, quê Ngô Thì Nhậm ở làng Tó, Tả Thanh Oai; b) Ở giữa Hà Nội có người vẫn nói: “đi Trôi, đi Nhồn”; c) Và đây là một đoạn trích từ *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*:

“Đường Lâm là một xã thuộc thành phố Sơn Tây, Hà Nội. Đường Lâm trở thành làng cổ đầu tiên ở Việt Nam được Nhà nước trao bằng Di tích lịch

sử văn hóa quốc gia ngày 19 tháng 5 năm 2006... Đường Lâm gồm 9 làng, trong đó 5 làng Mông Phụ, Đông Sàng, Cam Thịnh, Đoài Giáp và Cam Lâm liền kề nhau. Các làng này gắn kết với nhau thành một thể thống nhất với phong tục, tập quán, và tín ngưỡng hàng ngàn năm nay không hề thay đổi”.

Thực ra đã mấy chục năm nay về hành chính, **xã Đường Lâm gồm có 9 thôn**. Vậy mà, Bách khoa thư coi 9 thôn là **9 làng** và ngay cả Đường Lâm là một xã, cũng được coi là làng: **Làng cổ Đường Lâm**. d) Sài Gòn từ lâu đã đổi thành Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng ta vẫn gặp những tên như Saigon-tourist, Sài Gòn Giải Phóng... Vậy nên người thợ thủ công viết “châu Nam Sách” cũng chỉ là một thói quen bình thường.

Ngoài những điều bàn thêm ở mục 4, hy vọng rằng những ghi chú của chúng tôi về niên đại này giúp ích cho các nhà nghiên cứu và sưu tầm đồ gốm Việt Nam.

L T L - T N D

TÀI LIỆU DẪN

- [1] Nguyễn Quảng Minh và Nguyễn Mộng Hùng. “Đôi điều về minh văn trên gốm sứ”. Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 5 (70). 2008, tr 75-85; số 6 (71). 2008, tr 83-92 và số 1 (72). 2009, tr 71-92.
- [2] Nguyễn Đình Chiến. *Cẩm nang đồ gốm Việt Nam có minh văn thế kỷ XV-XIX*. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, 1999.
- [3] Yao Tacao. “Khảo sát về niên hiệu vua Lê Nhân Tông: Đại Hòa chứ không phải Thái Hòa”. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số (4) 287, năm 1996, tr 47-53.
- [4] Ngô Đăng Lợi. “Bàn thêm về niên hiệu của vua Lê Nhân Tông: Đại Hòa hay Thái Hòa”. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số (2) 291, năm 1997, tr 82-84.
- [5] Nguyễn Minh Tường. “Niên hiệu của vua Lê Nhân Tông: Thái Hòa không phải Đại Hòa”. Tạp chí *Xưa & nay*, số 66, tháng 8 năm 1999, tr 12-14.
- [6] Lê Thành Lâm. “Có hay không có niên hiệu Đại Hòa?” Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1999*, Nxb Khoa học xã hội 2000, tr 554-555.
- [7] Lê Thành Lâm. *Niên hiệu thứ nhất của vua Lê Nhân Tông: Có thể tạm coi là Thái Hòa, nhưng đúng hơn là Đại Hòa*. Tạp chí *Xưa & nay*, số 70, tháng 12 năm 1999, tr 39, 40.
- [8] Lê Thành Lâm. “Bàn về niên hiệu thứ nhất của vua Lê Nhân Tông”, Tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ* (nay là *Nghiên cứu và Phát triển*), số 4 (26). 1999, tr 143-161.
- [9] Lê Thành Lâm, Trần Ngọc Dũng. “Về cách viết và đọc niên hiệu thứ nhất của Lê Nhân Tông”. Tạp chí *Huế xưa và nay*, số 91, 2009, tr 71-87. Đính chính ở số 92, tr 68.
- [10] Vinh Mạnh Nguyên. *Trung Quốc lịch sử kỷ nguyên*. 1955.
- [11] Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*. 1921.
- [12] Lê Thành Lâm, Trần Ngọc Dũng. “Dùng văn bia để xác định lại một vài niên hiệu của nhà Mạc”. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 3, 1996, tr 79-96.
- [13] Vụ Bảo tồn Bảo tàng. *Niên biểu Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, 1970.
- [14] Lê Thành Lâm: *Lịch và niên biểu lịch sử hai mươi thế kỷ (0001-2010)*. Nxb Thống kê, 2000.
- [15] Lê Thành Lâm. *Đối chiếu lịch Dương với lịch Âm-Dương của Việt Nam và Trung Quốc 2030 năm (0001-2030)-Solar Calendar Comparison with Vietnamese and Chinese*

Lunisolar Calendar 2030 Years (0001-2030) - 越南和中國 2030 年 (0001-2030) 陽曆與農曆對照, Nxb Giáo dục, 2007.

- [16] Nguyễn Quảng Minh, Nguyễn Mộng Hùng, Margret J. Vlaar. “Những ông bình vôi sản xuất tại Anh”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 2 (73). 2009, tr 77-89.

TÓM TẮT

Dưới góc nhìn của niên đại học, bài báo đã bàn thêm về ba khía cạnh: niên hiệu, niên thứ và ngày tháng trong các minh văn trên đồ gốm Việt Nam. Ngược lại với các ông Nguyễn Quảng Minh và Nguyễn Mộng Hùng, về niên hiệu các tác giả khẳng định hai chữ *Đại Hòa* trong minh văn trên lọ gốm hoa lam lưu giữ tại Topkapi, Istanbul là đúng và trùng hợp với các loại dữ liệu có được từ cổ vật đương đại và bản chữ Hán *Đại Việt sử ký toàn thư*. Về niên thứ, nhất là của các niên hiệu thời Mạc Mậu Hợp, các ông Nguyễn Quảng Minh và Nguyễn Mộng Hùng đã đúng nhờ trực tiếp dựa vào TS Nguyễn Đình Chiến, cũng tức là gián tiếp dựa vào kết quả khảo cứu trước đây của chính các tác giả vào năm 1996; ở đó niên thứ của 8 niên hiệu thời Mạc đã được xác định lại. Tất cả các ngày tháng được ghi trong minh văn trên đồ gốm mà TS Nguyễn Đình Chiến đã thống kê (15 trường hợp thuộc thời Mạc và 11 trường hợp thuộc thời Lê) trong cuốn sách *Cẩm nang đồ gốm Việt Nam có minh văn thế kỷ XV-XIX* đã được đổi sang lịch Dương để người đọc tiện sử dụng. Các tác giả cũng nêu ý kiến là nên gọi chiếc lọ ở Topkapi là lọ gốm như TS Nguyễn Đình Chiến đã gọi chứ không nên gọi là lọ sứ. Bài báo cũng nêu ra một cách giải thích về việc người viết minh văn trên lọ gốm Topkapi ghi phủ Nam Sách thời Lê thành châu Nam Sách như khi còn thuộc Minh là do tên gọi các địa danh mang tính “bảo thủ” lớn.

ABSTRACT

DATES IN THE EPIGRAPHS ON VIETNAMESE CERAMICS

In terms of chronology, the author give some further discussion on the name for a reign's years, the order of a year in a reign, and the dates that are mentioned in an epigraph on a sample of Vietnamese antique ceramics. In opposition to the view of Nguyễn Quảng Minh and Nguyễn Mộng Hùng, as regards the name of a reign's years, the author asserts that the name *Đại Hòa* in the epigraph found on the ceramic jar of indigo-blue decorative design, that is kept at Topkapi, Istanbul, is correct and coinciding with information drawn from contemporary antiquities and the Chinese text of the book *Đại Việt sử ký toàn thư*. As to the order of a reign's year, especially in the case of names of the reign's years of Mạc Mậu Hợp, Nguyễn Quảng Minh and Nguyễn Mộng Hùng proved to be correct thanks to their direct consultation to Dr. Nguyễn Đình Chiến, that inevitably means indirect consultation to the authors' previous research in 1996 in which 8 names for the reigns' years of the Mạc Dynasty have been reconfirmed. All the dates found in the epigraphs collected by Dr. Nguyễn Đình Chiến (15 cases concerning the Mạc House and 11 cases concerning the Lê Dynasty) that are mentioned in the book *Cẩm nang đồ gốm Việt Nam có minh văn thế kỷ XV-XIX* have been changed to Solar Calendar dates for the reader's convenience. The authors also recommend that one should call the ceramic vessel kept in Topkapi, mentioned above should be referred to as “lọ gốm” [ceramic jar] instead of “lọ sứ” [ceramic brought back by diplomatic delegation]. This article also puts forward an explanation for the fact that the epigraph on the ceramic jar in Topkapi mistakes the *phủ Nam Sách* in the Lê Dynasty's times for the *châu Nam Sách* in the times when Vietnam was still governed by the Minh Dynasty. The authors believe this mistake originates from a sense of “conservatism”.